## BÀI TẬP VẬN DỤNG CƠ BẢN

**Bài 1: Cho dạng đúng của động từ ở dạng quá khứ ($V_2$) và quá khứ phân từ ($V_3$), dùng bảng động từ bất quy tắc nếu cần.**

| V | $V_2$ | $V_3$ |
|---|---|---|
| be (là) | | |
| bring (mang đến) | | |
| buy (mua) | | |
| cut (cắt) | | |
| do (làm) | | |
| eat (ăn) | | |
| find (tìm) | | |
| found (thành lập) | | |
| go ( đi) | | |
| have (có) | | |
| keep (giữ) | | |
| lie (nằm) | | |
| lie (nói dối) | | |
| lose (mất) | | |
| make (làm) | | |
| move (di chuyển) | | |
| play (chơi) | | |
| provide (cung cấp) | | |
| put (đặt) | | |
| read (đọc) | | |
| see (nhìn) | | |
| sleep (ngủ) | | |
| spend (dành) | | |
| study (học) | | |
| take (mang đi) | | |
| think (nghĩ) | | |

LIVEWORKSHEETS